BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 36/2011/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2011*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định như sau:

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

1. Điều 5. Bỏ câu "Hồ sơ thiết kế do cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất có đủ điều kiện thiết kế theo quy định lập thành 03 bộ gửi tới các cơ quan đăng kiểm để thẩm định."

2. Bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 vào Điều 6 như sau:

"4. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế:

a) 01 Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này;

b) 03 hồ sơ thiết kế quy định tại Điều 5 Thông tư này.

5. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam. Thành phần bộ hồ sơ thiết kế theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ thiết kế. Nếu hồ sơ thiết kế không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

6. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả thẩm định thiết kế trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính."

3. Bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 vào Điều 7 như sau:

"4. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện (sau đây gọi là giấy chứng nhận) theo quy định.

5. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

6. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận:

a) Đối với đường sắt quốc gia

- Đầu máy, phương tiện chuyên dùng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Toa xe khách là 28 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Toa xe hàng là 36 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp Giấy chứng nhận.

b) Đối với đường sắt chuyên dùng: 30 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận."

4. Bổ sung khoản 4, khoản 5 vào Điều 8 như sau:

"4. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận cho phương tiện theo quy định.

5. Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính."

5. Bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 vào Điều 9 như sau:

"4. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận cho phương tiện theo quy định.

5. Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

6. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận:

a) Đối với đường sắt quốc gia:

- Đầu máy, phương tiện chuyên dùng nhập khẩu mới là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Toa xe khách nhập khẩu mới là 28 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Toa xe hàng nhập khẩu mới là 36 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Đối với phương tiện nhập khẩu đã qua sử dụng là 12 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

b) Đối với đường sắt chuyên dùng:

- Đối với phương tiện nhập khẩu mới là 30 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Đối với phương tiện nhập khẩu đã qua sử dụng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận."

6. Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 5, khoản 6 vào Điều 10 như sau:

"1. Thời điểm kiểm tra và hiệu lực giấy chứng nhận đối với phương tiện hoạt động trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị

a) Đối với phương tiện nhập khẩu và sản xuất lắp ráp mới

- Kiểm tra định kỳ đầu máy, phương tiện chuyên dùng được thực hiện cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp 2, cấp 3 lần đầu;

- Kiểm tra định kỳ toa xe được thực hiện cùng thời điểm toa xe đưa vào sửa chữa niên tu lần đầu.

a) Đối với phương tiện đang khai thác

- Kiểm tra định kỳ đầu máy, toa xe động lực được thực hiện cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp đại tu, cấp ky, cấp 2 và cấp 3 nhưng không quá 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Kiểm tra định kỳ toa xe khách được thực hiện tại cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp đại tu và cấp niên tu nhưng không quá 14 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Kiểm tra định kỳ toa xe hàng được thực hiện tại cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp đại tu và cấp niên tu nhưng không quá 20 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Kiểm tra định kỳ phương tiện chuyên dùng theo thời gian cho phép của giấy chứng nhận. Hiệu lực giấy chứng nhận cấp cho phương tiện chuyên dùng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

5. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn

kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận cho phương tiện theo quy định.

6. Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính."

7. Sửa đổi mục 2.1 Phụ lục 2 và bổ sung Phụ lục 3 như sau:

a) Phụ lục 2: 2.1. Mẫu Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

b) Phụ lục 3: Mẫu Giấy đề nghị thẩm định thiết kế.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

2. Các giấy chứng nhận đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn có giá trị đến ngày hết thời hạn hiệu lực đã được ghi trên giấy chứng nhận.

3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

Phụ lục 2

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN

(Sửa đổi mẫu Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tại mục 2.1 trong Phụ lục 2 của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt)

2.1. Mẫu giấy chứng nhận cho thiết kế được thẩm định

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Số:

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ kết quả thẩm định tại biên bản thẩm định số:..... ngày.....;

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Tên thiết kế:
Ký hiệu thiết kế:
Cơ sở thiết kế:
Địa chỉ:

ĐÃ ĐƯỢC CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM THẨM ĐỊNH

Nội dung chính của bản thiết kế:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT
(Tùy thuộc vào loại phương tiện, tổng thành)

Hà Nội, ngày.... tháng... năm...
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể

Phụ lục 3

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

(Ban hành bổ sung vào Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*Ngày .....tháng .....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Kính gửi: (Tên Cơ quan Đăng kiểm)

Tên Tổ chức/Cá nhân:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Nội dung đề nghị:

.....

.....

.....

Địa điểm và thời gian:.....

.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.....